

Bản án số: 12/2022/DS-ST.
Ngày: 31-3-2022.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác và bà Đinh Thị Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 252/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 02-3-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-DS, ngày 06/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số A, đường L, phường T, quận B, Thành phố HNội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông N – Giám đốc Ngân hàng – Chi nhánh Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông B– Phó giám đốc Ngân hàng – Chi nhánh Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số A, đường L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Gọi tắt là ngân hàng.

- Bị đơn: Bà H– vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đ– vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện nhận ngày 03/11/2021 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông B trình bày:

Ngày 23/1/2017, bà H có thỏa thuận và ký hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201800235 với Ngân hàng, theo đó bà H vay số tiền: 750.000.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm vay là 10.5 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trọng hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 20/1/2021, định kỳ trả gốc 03 kỳ, định kỳ trả lãi là 06 tháng một lần.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà H và ông Đ đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số S bản đồ số A và thửa đất số Q tờ bản đồ W đều tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 09300/TC ngày 23/1/2018 được công chứng ngày 23/1/2018 và đăng ký thế chấp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắk Mil ngày 23/1/2018

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã giao và bà H đã nhận đủ số tiền 750.000.000 đồng. Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 300.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là: 450.000.000 đồng; đã thanh toán được số tiền lãi trong hạn là 172.660.273 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.294.520 đồng.

Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu bà H trả tổng số tiền là: 558.372.947 đồng, trong đó: Nợ gốc là 450.000.000 đồng; lãi trong hạn là: 23.905.480 đồng; lãi quá hạn là 84.467.466 đồng, tạm tính đến ngày 31/3/2022. Bà H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/4/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Bà H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số S bản đồ số A và thửa đất số Q tờ bản đồ W đều tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CL do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 25/12/2017, chuyển nhượng lại cho bà H vào ngày 18/01/2018 và thửa đất số S bản đồ số A và thửa đất số Q tờ bản đồ W đều tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 07/12/2017, đứng tên ông Đ, bà H.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng phát sinh trong quá giải quyết.

2. Đối với bị đơn bà H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đ: Bà H, ông Đ có đăng ký hộ thường trú và hiện đang sinh sống tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà H và ông Đ nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ trên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, áp dụng các Điều 295; Điều 298; Điều 319; Điều 321; Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà H, buộc bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trong trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà H và ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã kết hợp với Công an xã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà H và ông Điệp. Tuy nhiên, ông Đ và bà H nhận văn bản tố tụng nhưng không ký vào biên bản giao nhận, nên Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự không ký vào biên bản giao nhận và có sự xác nhận của chính quyền địa phương làm căn cứ giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Nhưng bà H và ông Đ không đến Tòa án để giải quyết vụ án, mặt không có lý do. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, bà H và ông Đ

vắng mặt phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Ngày 23/1/2017, bà H và Ngân hàng thỏa thuận vay tiền và ký hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201800235: Vay số tiền 750.000.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm vay vốn là 10.5 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm, thời hạn cho vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng trả nợ gốc là ngày 20/1/2021, định kỳ trả lãi là 06 tháng một lần; định kỳ trả gốc 03 kỳ và cụ thể: Ngày 20/01/2019 trả 100.000.000 đồng; ngày 20/01/2022 trả 200.000.000 đồng; ngày 20/01/2021 trả 450.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà H đã thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và số tiền lãi trong hạn là 172.660.273 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.294.520 đồng.

Theo thỏa thuận, ngày 20/01/2021, bà H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc còn lại và lãi suất phát sinh nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

[2.2] Yêu cầu về lãi suất: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả tiền lãi giữa Ngân hàng và bà H theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu và buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử ngày 31/3/2022, cụ thể: Tiền lãi trong hạn là 23.905.480 đồng; lãi quá hạn là 84.467.466 đồng. Bà H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/4/2022 cho đến khi trả xong nợ.

Đối với lãi suất chậm trả tiền lãi, ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Đối với tài sản thế chấp:

[2.2.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, bà H và ông Đ đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 09300/TC, được công chứng, được đăng ký thế chấp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắk Mil cùng ngày 23/1/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của thửa đất số S bản đồ số A và thửa đất số Q tờ bản đồ W đều tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CL do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 25/12/2017, chuyển nhượng lại cho bà H vào ngày 18/01/2018 và thửa đất số S bản đồ số A và thửa đất số Q tờ bản đồ W đều tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 07/12/2017, đứng tên ông Đ, bà H. Hợp đồng thế chấp được lập đúng hình thức, nội

dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2.2] Về tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp: Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/01/2022, xác định thửa đất thế chấp trên bản đồ giải thửa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế là phù hợp, đúng vị trí. Do đó, trường hợp bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên và xử lý tài sản thế chấp là phù hợp. Yêu cầu xử lý tài sản nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 323 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chi toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 295, Điều 298, Điều 319, Điều 321, Điều 323, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng đối với bị đơn bà H.

Buộc bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31-3-2022) là: 558.372.947 đồng, trong đó: Nợ gốc là 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*); lãi trong hạn là: 23.905.480 đồng (*Hai mươi ba triệu chín trăm lẻ năm ngàn bốn trăm tám mươi đồng*); lãi quá hạn là 84.467.466 đồng (*Tám mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01-4-2022), bà H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Tài sản thế chấp: Trường hợp, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số S bản đồ số A và thửa đất số Q tờ bản đồ W đều tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CL do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 25/12/2017, chuyển nhượng lại cho bà H vào ngày 18/01/2018 và thửa đất số S bản đồ số A và thửa đất số Q tờ bản đồ W đều tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 07/12/2017, đứng tên ông Đ, bà H

2. Về án phí: Bà H phải nộp: 26.334.918 đồng (*Hai mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm mười tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.590.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng*) theo biên lai số 0000643, ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Hồng Duy

